TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-PT
Ngày 13 - 12 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Bùi Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2022/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 80/2022/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị A, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khu 4, xã M, huyện N, tỉnh O; Chỗ ở hiện nay: đường P, Khóm Q, Phường R, thành phố S, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh B, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp 17, xã T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông C, sinh năm 1960 và bà D, sinh năm 1961; Cùng địa chỉ: ấp 17, xã T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về hôn nhân: Chị A và anh B qua thời gian tìm hiểu, quen biết đã tự nguyện sống chung như vợ chồng vào tháng 4/2018, không có tổ chức đám cưới và cũng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, từ năm 2020 phát sinh mâu thuẫn nên đã ly thân với nhau từ giữa năm 2020 cho đến nay. Chị A yêu cầu ly hôn với anh B, anh B cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị A và anh B có 01 con chung tên A1, sinh ngày 25/01/2019, hiện nay cháu A1 đang chung sống với cha mẹ anh B là ông C và bà D tại ấp 17, xã T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Trước lúc ly thân (năm 2020) thì anh B và chị A đã gửi cháu A1 cho ông C và bà D chăm sóc để anh chị đi làm kiếm thêm thu nhập đảm bảo cuộc sống, nuôi con.

Nay chị A xác định, hiện nay chị A làm công việc thu ngân ở thành phố S, có thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 9-10 triệu đồng, do nơi chị làm việc cũng quen biết thân thiết nên tạo điều kiện về chỗ ở cho chị; Còn anh B đi làm ở tỉnh Bình Dương, làm công ty nên rất ít thời gian nghỉ, không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, ở gần con. Trong khi anh B là con nuôi của ông C, bà D, ông bà đã lớn tuổi (hơn 60 tuổi), sức khỏe không còn tốt nên việc chăm sóc trẻ là rất khó khăn. Mặt khác, cháu A1 đã đến tuổi học mầm non nhưng ông C, bà D vẫn chưa cho cháu đi học vì điều kiện ông bà rất khó khăn (gia đình thuộc diện hộ cận nghèo). Do đó, chị A yêu cầu được trực nuôi con chung A1 và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Anh B thừa nhận tuy anh không phải là con ruột của ông C, bà D nhưng họ đã nuôi anh từ nhỏ cho đến nay (khoảng 30 năm) và đã khai sinh anh là con của họ, ông bà cũng không có con riêng nên xem như anh là con ruột và cháu A1 là cháu ruột trong gia đình. Từ trước đến nay, ông C, bà D chăm sóc cháu A1 vẫn tốt, khỏe mạnh bình thường. Chị A còn phải lo cho 02 con riêng của chị A ở quê (O). Anh đi làm có tích lũy một số tiền để sau này lo cho cháu A1. Theo anh B, chị A trình bày là có người quen tạo điều kiện về chỗ ở nhưng cũng không hẳn chỗ ở đó tốt hơn nhà của anh hiện tại. Anh B xác định cháu A1 đã quen cuộc sống như vậy nên anh không đồng ý giao con cho chị A nuôi dưỡng mà anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Theo ông C và bà D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất trình bày:*

Ông, bà là người chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A1 hộ (dùm) cho anh B và A nên Tòa án xét xử giao A1 cho ai (B hoặc A) thì ông bà sẽ chấp hành.

Từ nội dung trên, tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 80/2022/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị A và anh B là vợ chồng.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị A; Buộc anh B cùng với ông C và bà D phải giao cháu A1, sinh ngày 25/01/2019, giới tính nữ cho chị A nuôi dưỡng.

Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 22/9/2022, bị đơn anh B kháng cáo không đồng ý giao cháu A1 cho chị A nuôi dưỡng; Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A1, sinh ngày 25/01/2019.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh B; Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình số 80/2022/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Theo Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 80/2022/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu xử không công nhận chị A và anh B là vợ chồng Xét thấy, chị A, anh B không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với nội dung này nên nội dung này của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn anh B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu A1, sinh ngày 25/01/2019, không đồng ý giao cháu A1 cho chị A nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, chị A và anh B không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con, nên việc giao cháu A1 cho ai trực tiếp nuôi dưỡng do Tòa án quyết định.

[4] Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, con chung của anh chị là cháu A1, sinh ngày 25/01/2019, đã trên 36 tháng tuổi nhưng dưới 07 tuổi nên không thuộc trường hợp phải hỏi nguyện vọng của cháu A1 theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Để quyết định giao cháu A1 cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, Tòa án cần đảm bảo đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình: *"... Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con..."*. Tòa án phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con là yếu tố quan trọng nhất để quyết định.

[5] Xét thấy, về điều kiện kinh tế của chị A và anh B, hiện tại cả chị A và anh B đều có việc làm, có thu nhập ổn định nên cả hai đều đảm bảo điều kiện kinh tế để trực tiếp nuôi dưỡng cháu A1.

[6] Xét điều kiện trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung, chị A và anh B thống nhất thừa nhận, từ trước khi anh chị ly thân đến nay, cháu A1 đều do ông C và bà D là cha mẹ nuôi của anh B trực tiếp chăm sóc cháu A1 để anh chị đi làm ăn mưu sinh, kiếm tiền nuôi cháu A1. Như vậy, tuy anh B cho rằng ông bà chăm sóc cháu A1 vẫn tốt, khỏe mạnh bình thường nhưng căn cứ quy định khoản 1 Điều 71 Luật Hôn nhân và gia đình, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên là nghĩa vụ và quyền của cha và mẹ:*"Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau. Cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên…"*. Mặt khác, ông C và bà D hiện nay đã lớn tuổi, sức khỏe giảm do tuổi cao, ông C còn phải đi làm kiếm sống, gia đình thuộc diện khó khăn (hộ cận nghèo). Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nhận định về điều kiện chăm sóc cháu A1 của anh B, chị A, cũng như xét thực tế cháu A1 còn rất nhỏ nên rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ và buộc ông C, bà D và anh B giao cháu A1 cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đã xem xét, đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật đúng, đầy đủ, đảm bảo quyền lợi của cháu A1.

[7] Anh B kháng cáo yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không đồng ý giao cháu A1 cho chị A nuôi dưỡng nhưng anh B không chứng minh được chị A không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Tại cấp phúc thẩm, anh B cung cấp thêm chứng cứ là xác nhận của công ty nơi anh làm việc từ tháng 10 năm 2022 (sau khi xét xử sơ thẩm) đến nay. Xét thấy, việc anh B đã không đi làm ở tỉnh Bình Dương và đã được nhận làm việc tại huyện U, tỉnh Bạc Liêu sẽ có nhiều điều kiện gặp gỡ, thăm nom con chung hơn nhưng không thay đổi quyền nuôi con chung của chị A như bản án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá chứng cứ khách quan, toàn diện, đảm bảo quyền lợi cho cháu A1. Do đó, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc ông C, bà D và anh B giao cháu A1 cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không chấp nhận kháng cáo của anh B về việc yêu cầu trực tiếp nuôi con chung.

[8] Nếu trong quá trình chị A trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, anh B có căn cứ chứng minh người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[9] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của anh B, giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 80/2022/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

[10] Về án phí phúc thẩm: Do anh B kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên anh B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh B; Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 80/2022/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị A và anh B là vợ chồng.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị A; Buộc anh B cùng với ông C và bà D phải giao cháu A1, sinh ngày 25/01/2019, cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B không phải cấp dưỡng nuôi cháu A1 do chị A không yêu cầu.

3. Tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

4.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị A phải chịu 300.000 đồng, chị A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003222 ngày 18/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V chuyển thu án phí toàn bộ.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh B phải chịu 300.000 đồng, anh B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003314 ngày 29/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND huyện V (01 bản);
- CCTHADS huyện V (01 bản);
- Các đương sự (04 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Châu Minh Nguyệt